

Hiệu quả ứng dụng một số giải pháp chuyên môn nâng cao chất lượng giảng dạy giáo dục thể chất tại trường Đại học Phú Yên

TS. Nguyễn Minh Cường ■

TÓM TẮT:

Bài báo căn cứ vào kết quả phân tích thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) tại Trường Đại học Phú Yên (ĐHPY) và đã xác định được 05 giải pháp (GP) chuyên môn để khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác GDTC. Từ đây, tác giả bài báo tiến hành ứng dụng thực nghiệm 05 GP và đánh giá hiệu quả ứng dụng thực nghiệm. Kết quả cho thấy các tiêu chí đo lường sau thực nghiệm có xu hướng tốt hơn lúc đánh giá tại thời điểm học kỳ 3 năm học 2015 – 2016. Điều này đã chứng tỏ 05 GP thực nghiệm đề xuất đã có những tác động bước đầu và đã có tác dụng tích cực góp phần trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC tại Trường ĐHPY trong giai đoạn hiện tại.

Từ khóa: Giải pháp chuyên môn; giảng dạy GDTC; Trường Đại học Phú Yên.

ABSTRACT:

The article is based on the results of analyzing the current situation of teaching physical education (PE) at Phu Yen University and has identified 05 professional solutions to overcome the shortcomings and limitations in the physical education work. From here, the author conducted the experimental application of 05 solutions and evaluated the efficiency of such experimental application. The results show that the post-experimental measurement criteria tended to be better than the evaluation at the time of the third semester of the 2015 - 2016 school year. This proves that the 05 proposed experimental solutions have had some initial impacts and has had a positive effect on improving the quality of teaching physical education at Phu Yen University at the current period.

Keywords: Professional solution, teaching physical education, Phu Yen University.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiệm vụ của GDTC trong nhà trường, một mặt trang bị cho học sinh, sinh viên (SV) những kỹ năng, kỹ xảo vận động, mặt khác quan trọng hơn là phát triển cho SV những tố chất thể lực cần thiết. Từ đây cho thấy một vấn đề đặt ra là muốn công tác GDTC có hiệu quả hơn, phải thông qua tìm kiếm những GP khác nhau phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC. Do vậy, để góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC cho trường ngày một tốt hơn và nhằm giúp cho các nhà chuyên môn, các nhà quản lý giáo dục có cơ sở nhìn nhận và định hướng thay đổi trong thời gian tới một cách toàn diện về công tác GDTC ở Trường ĐHPY chung và công tác giảng dạy GDTC nói riêng nên chúng tôi tiến hành nghiên cứu: *“Hiệu quả ứng dụng một số giải pháp chuyên môn nâng cao chất lượng giảng dạy giáo dục thể chất Trường Đại học Phú Yên”*.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp,

phỏng vấn, kiểm tra sự phạm, thực nghiệm sự phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Mô tả kết quả đánh giá thực trạng giảng dạy GDTC của Trường ĐHPY

Thông qua phân tích thực trạng công tác giảng dạy GDTC của Trường ĐHPY dựa trên đo lường các tiêu chí cho thấy: Chương trình giảng dạy GDTC được đánh giá là đáp ứng từng phần yêu cầu và chưa đáp ứng yêu cầu. Các môn thể thao phù hợp với phát triển thể lực của SV là Bóng chuyền, Bóng rổ, Võ Cổ truyền, Cầu lông, Bóng đá, Điền kinh và môn võ Taekwondo là phù hợp, chiếm tỷ lệ từ 83.3% - 94.2%; Hoạt động TDTT ngoại khóa được đánh giá ở mức tốt, công tác hướng dẫn tập luyện TDTT ngoại khóa được đánh giá ở mức bình thường; SV của trường vẫn không hứng thú tập luyện các môn thể thao trong chương trình GDTC và không hài lòng với môn học GDTC vẫn còn chiếm tỷ lệ nhiều. Đây là

các thông tin phản hồi tích cực giúp cho GV điều chỉnh phương pháp giảng dạy, cải tiến những mặt còn hạn chế trong công tác giảng dạy GDTC; SV có thể lực đạt và tốt chiếm tỷ lệ rất ít (26.2%), thể lực không đạt chiếm tỷ lệ cao (73.8%) trong giai đoạn 2011 – 2015, tố chất thể lực không đạt tập trung về chạy tùy sức 5 phút-đánh giá sức bền chung của SV dẫn đến xếp loại thể lực chung của SV không đạt chiếm tỷ lệ cao; Xếp loại học tập của các nhóm SV trong từng năm học ở giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy số SV số SV không đạt môn học chiếm tỷ lệ từ 19.4 - 24.8%.

2.2. Lựa chọn GP chuyên môn nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC Trường ĐHPY

Tiến hành lựa chọn GP chuyên môn nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC Trường ĐHPY thông qua : tham khảo tài liệu; phỏng vấn trực tiếp các giáo viên, chuyên gia; tổ chức thảo luận nhóm; lựa chọn qua phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi. Kết quả kết quả được trình bày ở bảng 1:

Qua bảng 1 cho thấy: Lựa chọn được 5 GP chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tiễn giảng dạy GDTC của Trường và của SV. Mô tả nội dung thực hiện các GP chuyên môn như sau:

1) GP1: GP thực hiện chương trình và nội dung giảng dạy GDTC:

+ Mục đích: Nhằm rà soát lại nội dung chương trình giảng dạy, nếu có thể thì thay đổi xây dựng lại chương trình môn học sao cho phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tế và xu hướng phát triển hiện nay.

+ Nội dung thực hiện: 1) Mỗi buổi học nên xen kẽ, kết hợp với các trò chơi vận động vui để nâng cao tính hứng thú trong giờ học; 2) Đưa nhiều môn học thể thao mang tính quần chúng cao, phù hợp với điều kiện của trường vào nội dung tự chọn trong chương trình học tập chính khóa để SV lựa chọn theo nhu cầu của mình; 3) Cải tiến nội dung giảng dạy TDTT giờ học chính khóa một cách linh hoạt với điều kiện của trường trên cơ sở chương trình khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 4) Thực hiện đúng, đủ có chất lượng và hiệu quả theo phân phối chương trình của

Bộ GD&ĐT.

+ Đơn vị thực hiện: 1) Khoa/Bộ môn GDTC rà soát lại chương trình; 2) Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL thành lập hội đồng kiểm định chương trình; 3) Ban Giám hiệu duyệt chương trình.

+ Tiêu chí đánh giá: 1) Hứng thú của SV; 2) Sự hài lòng của SV và giảng viên giảng dạy; 3) Mức độ phù hợp của nội dung, chương trình.

+ Kết quả dự kiến đạt được: 1) Có được chương trình phù hợp đáp ứng nhu cầu học tập của SV; 2) Tạo được sự hứng thú cho người học.

2) GP2: GP cải tiến công tác tổ chức và phương pháp giảng dạy GDTC:

+ Mục đích: Nhằm có được những phương pháp giảng dạy phù hợp, đa dạng hóa các phương pháp theo hướng tích cực, lấy người học làm chủ đạo, tổ chức hợp lý một buổi lên lớp tạo được hứng thú cho người học.

+ Nội dung thực hiện: 1) Cải tiến phương pháp giảng dạy GDTC cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường; 2) Cải tiến quá trình tổ chức thực hiện chương trình GDTC đã ban hành theo qui định đào tạo mới, đa dạng hoá các hình thức học tập, rèn luyện thể chất nội, ngoại khóa; 3) Tổ chức giờ học chính khóa theo hướng tích cực hóa người học bằng cách áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy; 4) Tổ chức từ 2-3 buổi giảng dạy thực hành/tuần bao gồm cả ngoại khóa, đảm bảo hình thành và duy trì những ảnh hưởng tích cực về thói quen tập luyện TDTT; 5) Tích cực hướng dẫn SV biết cách lựa chọn các phương pháp và phối hợp các phương pháp, hình thức tập luyện TDTT từng môn phù hợp.

+ Đơn vị thực hiện: 1) Phòng Quản lý đào tạo cần sắp xếp thời gian biểu hợp lý; 2) Giảng viên giảng dạy cần nghiên cứu, lựa chọn phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

+ Tiêu chí đánh giá: 1) Mức độ hài lòng của SV; 2) Mức độ hứng thú của SV.

+ Kết quả dự kiến đạt được: Những GP phù hợp, tạo được sự hứng thú cho người học.

Bảng 1. Kết quả thảo luận tổ chuyên môn để các GP chuyên môn nâng cao chất lượng công tác GDTC Trường ĐHPY (n = 10)

Mã hóa	GP	n	Tỷ lệ (%)
GP1	GP thực hiện chương trình và nội dung giảng dạy GDTC	10	100.0
GP2	GP cải tiến công tác tổ chức và phương pháp giảng dạy GDTC	8	80.0
GP3	GP tăng cường các hoạt động ngoại khóa và thi đấu TDTT	9	90.0
GP4	GP xây dựng động cơ, thái độ đúng đắn, tìm hiểu nhu cầu, tính hứng thú trong quá trình học GDTC của SV	8	80.0
GP5	GP tăng cường thanh tra và đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá công tác giảng dạy GDTC	9	90.0

3) GP3:GP tăng cường các hoạt động ngoại khóa và thi đấu TDTT:

+ Mục đích: Nhằm tăng cường sự đoàn kết, giao lưu học hỏi của SV ở các trường, phát triển phong trào TDTT học đường, giúp SV tích cực rèn luyện thể thao ngoại khóa.

+ Nội dung thực hiện:1) Tổ chức đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa cho SV, có giảng viên chuyên sâu về từng môn thể thao hướng dẫn. Tính thêm giờ cho giảng viên hướng dẫn tập luyện ngoài giờ (ngoại khóa); 2) Xây dựng các biện pháp để khuyến khích SV tham gia tập luyện thể thao ở CLB thể thao trường học. Có chế độ khuyến khích SV tập luyện thể thao ngoại khóa như được tính điểm thay cho GDTC nội khóa...; 3) Cải tiến hình thức, nội dung và kế hoạch hoạt động TDTT ngoại khóa nhằm phát triển phong trào TDTT học đường; 4) Tăng cường xây dựng và phát triển câu lạc bộ TDTT trường học. Xây dựng mô hình CLB, tổ, nhóm, đội TDTT SV trường. Tổ chức giao lưu, trao đổi, học hỏi giữa các CLB, tổ nhóm, đội TDTT trường học giữa các trường ĐH, HV và CĐ ở địa bàn tỉnh Phú Yên và ngoài tỉnh; 5) Thực hiện tốt các hoạt động ngoại khóa do trường, tổ nhóm bộ môn thể dục phát động có giảng viên hướng dẫn, tập trung các môn theo nhu cầu lựa chọn của SV; 6) Xây dựng đội tuyển SV TDTT ở các khoa tham gia các câu lạc bộ do nhà trường và các đoàn thể mở. Tạo điều kiện để SV và giảng viên luyện tập các môn thể thao có hiệu quả; 7) Tổ chức Hội thao cấp trường, tham gia các giải do Hội SV tổ chức, mở rộng và tăng cường tổ chức các hoạt động thi đấu giao lưu thể thao trong và ngoài trường; 8) Công đoàn, Đoàn thanh niên, giảng viên thể dục xây dựng kế hoạch và tổ chức và luyện tập cho SV và CBGV các môn thể thao phù hợp; 9) Nhà trường tập trung chỉ đạo công tác GDTC giao cho giảng viên TDTT xây dựng kế hoạch giảng dạy, tuyển chọn đội tuyển, tập huấn nội dung thi đấu cấp trường, cấp tỉnh đúng quy định của Ngành, của Bộ GD&ĐT.

+ Đơn vị thực hiện: 1) Khoa/Bộ môn GDTC đóng vai trò chủ đạo trong các hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV ; 2) Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV, Phòng Công tác SV hỗ trợ tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa và thi đấu các giải; 3) Ban Giám hiệu chỉ đạo và duyệt các chương trình hoạt động.

+ Tiêu chí đánh giá: 1) Động cơ học tập và rèn luyện thể chất của SV; 2) Mức độ tham gia rèn luyện thể thao của SV; 3) Số lượng CLB và số người tham gia tập luyện tại các CLB TDTT.

+ Dự kiến kết quả đạt được: Đông đảo SV tham gia vào các hoạt động ngoại khóa.

4) GP4: GP xây dựng động cơ, thái độ đúng đắn, tìm hiểu nhu cầu, tính hứng thú trong quá trình học GDTC của SV:

+ Mục đích: Nhằm tìm hiểu những nhu cầu thiết thực từ người học để từ đó xây dựng nội dung chương trình môn học phù hợp tạo được sự hứng thú cho người học.

+ Nội dung thực hiện:1) Giờ học GDTC đầu năm học, giảng viên cần đưa ra các biện pháp để xây dựng cho SV có động cơ và thái độ đúng đắn trong việc học tập GDTC nói chung và tập luyện môn TDTT nói riêng; 2) Mỗi giờ học GDTC, giảng viên cần lồng ghép các biện pháp giáo dục cần thiết để SV có thể ý thức thực sự về động cơ của mình, qua đó SV có thể cải thiện thái độ của mình về giờ học TDTT một cách tích cực; 3) Bộ môn GDTC từng trường cần khảo sát nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa hàng quý để đề xuất mở các lớp TDTT ngoại khóa. Nếu quy mô người tập nhiều, cần phối hợp và đề xuất thành lập câu lạc bộ TDTT từng môn trong trường; 4) Sau mỗi buổi học GDTC chính khóa, tự chọn, ngoại khóa, giảng viên giảng dạy cần phải quan tâm đến tính hứng thú của SV để kịp thời điều chỉnh hình thức và phương pháp giảng dạy phù hợp; 5) Bộ môn GDTC của trường cần khảo sát mức độ hài lòng và tính hứng thú học GDTC chính khóa, tự chọn, ngoại khóa của SV vào cuối mỗi học kỳ để có thể đưa ra các biện pháp cần thiết nhằm chất lượng giảng dạy GDTC của trường.

+ Đơn vị thực hiện:1) Khoa/Bộ môn GDTC cần tổ chức khảo sát thái độ, nhu cầu, tính hứng thú trong quá trình học GDTC của SV; 2) Giảng viên giảng dạy cần phải quan tâm đến tính hứng thú, nhu cầu của SV để kịp thời điều chỉnh hình thức và phương pháp giảng dạy phù hợp.

+ Tiêu chí đánh giá:1) Thái độ học tập của SV; Sự hứng thú và sự hài lòng trong học tập môn GDTC.

+ Kết quả dự kiến đạt được: Lựa chọn được các môn thể thao phù hợp đưa vào giảng dạy cho SV.

5) GP5: Nhóm GP tăng cường thanh tra và đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá công tác giảng dạy GDTC :

+ Mục đích: Nhằm giám sát việc thực hiện chương trình giảng dạy một cách chặt chẽ, theo đúng quy định của nhà trường.

+ Nội dung thực hiện:1) Nhà trường cần thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội dung chương trình GDTC cũng như tiến trình giảng dạy của từng giảng viên GDTC tại trường; 2) Nhà trường cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình GDTC ở các lớp học để kịp thời sửa chữa nếu có

sai sót của giảng viên trong quá trình thực hiện; 3) Tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn thường xuyên, từng học kỳ phải có kế hoạch dự giờ thăm lớp, đánh giá giờ học theo quy định của nhà trường.; 4) Tổ chức kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo Quyết định số 53/2008 của Bộ GD&ĐT mỗi năm 1 lần và tổ chức đánh giá kết quả kiểm tra.

+ Đơn vị thực hiện: 1) Trường Khoa/Bộ môn GDTC; 2) Phòng Thanh tra giáo dục.

+ Tiêu chí đánh giá: 1) Tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của SV (Quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT); 2) Kết quả học tập của SV.

+ Kết quả dự kiến đạt được: 1) Đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong kiểm tra đánh giá; 2) Sự phát triển thể chất của SV; 3) Đạt được kết quả học tập tốt nhất.

2.3. Đánh giá hiệu quả một số GP chuyên môn nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC.

Thực nghiệm (TN) được tiến hành trong 3 học kỳ từ HK 1 năm học 2016 – 2017 đến học kỳ 3 năm học 2017 – 2018. SV nhóm TN và nhóm đối chứng (ĐC) học GDTC 3 học kỳ từ học kỳ 1 (năm học 2016 – 2017) đến học kỳ 3 (năm học 2017 – 2018). Nhóm TN và nhóm ĐC cùng so sánh kết quả kiểm tra và phỏng vấn đánh giá thực trạng giảng dạy GDTC trường ĐHPY tại thời điểm là học kỳ 3 (năm học 2015 - 2016) (gọi là Nhóm so sánh – N.SS).

Khách thể nghiên cứu gồm: nhóm TN là 97 SV (55 SV nam; 42 SV nữ); nhóm ĐC là 93 SV (52 SV nam; 41 SV nữ); nhóm so sánh là 138 SV (75 SV nam; 63 SV nữ).

2.3.1. Kết quả kiểm tra SV trước TN

Kết quả kiểm tra thể lực trước TN được trình bày ở bảng 2 như sau:

Kết quả xếp loại thể lực của nhóm TN và ĐC cho thấy thể lực của nhóm TN có 6 SV xếp loại tốt, chiếm tỷ lệ 6.2%; có 34 SV xếp loại đạt, chiếm tỷ lệ 35.1% và 57 SV xếp loại không đạt, chiếm tỷ lệ 58.8%; thể lực của nhóm ĐC có 5 SV xếp loại tốt, chiếm tỷ lệ 5.4%, có 34 SV xếp loại đạt, chiếm tỷ lệ 36.5% và 54

SV xếp loại không đạt, chiếm tỷ lệ 58.1%. So sánh kết quả xếp loại thể lực của SV nhóm TN và nhóm ĐC bằng kiểm định Chi - Square ở bảng 2 cho thấy giữa các nhóm không có sự khác biệt với Asymp. Sig. (2-sided) = 0.957 > 0.05. Điều này chứng tỏ trước TN, thể lực của nhóm TN và nhóm ĐC tương đồng nhau.

2.3.2. Kết quả kiểm tra và đánh giá hiệu quả tác động sau TN.

2.3.2.1. Đánh giá việc thực hiện chương trình giảng dạy GDTC sau TN:

Qua bảng 3 cho thấy: việc thực hiện chương trình giảng dạy GDTC sau TN có xu hướng tốt hơn nhóm so sánh trước TN.

2.3.2.2. Đánh giá và so sánh sự hài lòng về môn học GDTC:

Qua bảng 4 cho thấy: So sánh kết quả phỏng vấn các nhóm SV về sự hài lòng môn học GDTC bằng kiểm định Chi-Square cho thấy giữa các nhóm có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với Asymp. Sig. (2-sided) = 0.000 < 0.05. Điều này cho thấy sự hài lòng môn học GDTC của các nhóm sau TN có xu hướng tốt hơn nhóm so sánh trước TN. Nhóm TN hài lòng về môn học GDTC ở mức đánh giá tốt hơn nhóm ĐC và nhóm so sánh.

2.3.2.3. Đánh giá và so sánh kết quả kiểm tra thể lực của các nhóm sau TN:

Qua bảng 5, biểu đồ 1 cho thấy kết quả xếp loại và so sánh thể lực của các nhóm SV trước và sau TN như sau: Nhóm TN trước TN có 6 SV thể lực loại tốt (chiếm tỷ lệ 6.2%), 34 SV thể lực đạt (chiếm tỷ lệ 35.1%), 57 SV thể lực không đạt (chiếm tỷ lệ 58.1%); Sau TN có 25 SV thể lực loại tốt (chiếm tỷ lệ 25.8%), 50 SV thể lực đạt (chiếm tỷ lệ 51.5%), 22 SV thể lực không đạt (chiếm tỷ lệ 22.7%); So sánh kết quả thể lực trước và sau của nhóm SV TN bằng kiểm định Chi - Square cho thấy giữa các nhóm có sự khác biệt với Asymp. Sig. (2-sided) = 0.002 < 0.05. Nhóm ĐC trước TN có 5 SV thể lực loại tốt (chiếm tỷ lệ 5.4%), 34 SV thể lực đạt (chiếm tỷ lệ 35.1%), 54 SV thể lực không đạt (chiếm tỷ lệ 58.1%); Sau TN có 7 SV thể lực loại tốt (chiếm tỷ lệ 7.5%), 46 SV thể lực đạt (chiếm tỷ lệ

Bảng 2. Kết quả xếp loại trình độ thể lực chung trước TN

		Xếp loại thể lực chung			Tổng	Giá trị Sig. (2-sided)
		Không đạt	Đạt	Tốt		
Nhóm TN	n	57	34	6	97	0.957
	%	58.8%	35.1%	6.2%	100.0%	
Nhóm ĐC	n	54	34	5	93	
	%	58.1%	36.5%	5.4%	100.0%	
Tổng	n	111	68	11	190	
	%	58.4%	35.8%	5.8%	100.0%	

Bảng 3. So sánh kết quả đánh giá việc thực hiện chương trình giảng dạy GDTC

		Thời điểm				Tổng		Giá trị Sig. (2-sided)
		Trước TN		Sau TN				
		n	%	n	%	n	%	
Chương trình giảng dạy GDTC	Chưa đáp ứng yêu cầu	2	11.8%	0	0.0%	2	5.9%	0.000
	Đáp ứng từng phần yêu cầu	15	88.2%	6	35.3%	21	61.8%	
	Đáp ứng yêu cầu	0	0.0%	11	64.7%	11	32.4%	
Tổng		17	100.0%	17	100.0%	34	100.0%	
Nội dung giảng dạy GDTC	Không đảm bảo	1	5.9%	0	0.0%	1	2.9%	0.022
	Bình thường	6	35.3%	1	5.9%	7	20.6%	
	Đảm bảo	10	58.8%	11	64.7%	21	61.8%	
	Hoàn toàn đảm bảo	0	0.0%	5	29.4%	5	14.7%	
Tổng		17	100.0%	17	100.0%	34	100.0%	
Hoạt động TDTT ngoại khóa	Chưa tốt	1	5.9%	0	0.0%	1	2.9%	0.033
	Bình thường	6	35.3%	1	5.9%	7	20.6%	
	Tốt	10	58.8%	12	70.6%	22	64.7%	
	Rất tốt	0	0.0%	4	23.5%	4	11.8%	
Tổng		17	100.0%	17	100.0%	34	100.0%	
Công tác hướng dẫn SV tập luyện TDTT ngoại khóa	Chưa thường xuyên	5	29.4%	0	0.0%	5	14.7%	0.000
	Bình thường	12	70.6%	5	29.4%	17	50.0%	
	Thường xuyên	0	0.0%	12	70.6%	12	35.3%	
Tổng		17	100.0%	17	100.0%	34	100.0%	

Bảng 4. So sánh sự hài lòng về môn học GDTC của các nhóm SV

Đánh giá	Nhóm TN		Nhóm ĐC		Nhóm so sánh		Tổng		Giá trị Sig. (2-sided)
	n	%	n	%	n	%	n	%	
Không hài lòng	1	1,0	23	24,7	46	33,3	70	21,3	0,000
Bình thường	29	29,9	32	34,4	57	41,3	118	36,0	
Hài lòng	44	45,4	32	34,4	31	22,5	107	32,6	
Rất hài lòng	23	23,7	6	6,5	4	2,9	33	10,1	
Tổng	97	100	93	100	138	100	328	100,0	

Bảng 5. Kết quả xếp loại và so sánh thể lực của các nhóm trước và sau TN

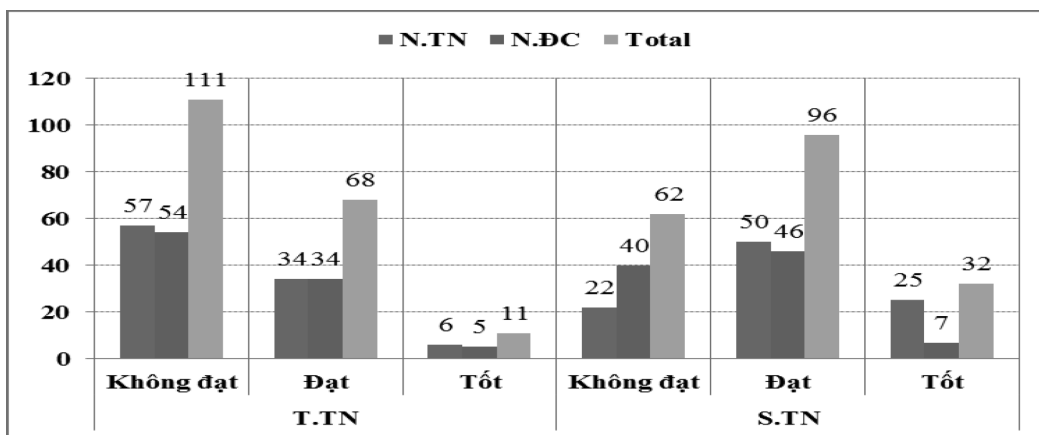
		Trước TN			Sau TN			Tổng	Giá trị Sig. (2-sided)
		Không đạt	Đạt	Tốt	Không đạt	Đạt	Tốt		
Nhóm TN	n	57	34	6	22	50	25	97	0.002
	%	58.8%	35.1%	6.2%	22.7%	51.5%	25.8%	100.0%	
Nhóm ĐC	n	54	34	5	40	46	7	93	0.035
	%	58.1%	36.6%	5.4%	43.0%	49.5%	7.5%	100.0%	
Tổng	n	111	68	11	62	96	32	190	0.031
	%	58.4%	35.8%	5.8%	32.6%	50.5%	16.8%	100.0%	

49.5%), 40 SV thể lực không đạt (chiếm tỷ lệ 43.0%); So sánh kết quả thể lực trước và sau của nhóm SV ĐC bằng kiểm định Chi - Square cho thấy giữa các nhóm có sự khác biệt với Asymp. Sig. (2-sided) = 0.035<0.05. Như vậy, kết quả xếp loại thể lực của các nhóm TN và các nhóm ĐC sau TN đều tốt hơn trước

TN. Trong đó, trình độ thể lực của các nhóm TN tốt hơn các nhóm ĐC sau TN.

2.3.2.4 Đánh giá và so sánh kết quả học tập GDTC của các nhóm sau TN:

Qua bảng 6 cho thấy kết quả xếp loại và so sánh



Biểu đồ 1. So sánh trình độ thể lực của các nhóm trước và sau TN

Bảng 6. Xếp loại và so sánh kết quả học tập môn GDTC của các nhóm

		Xếp loại		Tổng	Giá trị Sig. (2-sided)
		Không đạt	Đạt		
Nhóm TN	n	11	86	97	0.037
	%	11.3%	88.7%	100.0%	
Nhóm ĐC	n	22	71	93	
	%	23.7%	76.3%	100.0%	
Nhóm so sánh	n	27	111	138	
	%	19.6%	80.4%	100.0%	
Tổng	n	60	268	328	
	%	18.3%	81.7%	100.0%	

kết quả học tập của các nhóm SV sau TN như sau: Nhóm TN có 97 SV trong đó có 86 SV xếp loại đạt, chiếm 88.7% và 11 SV xếp loại không đạt, chiếm tỷ lệ 11.3%; Nhóm ĐC có 93 SV trong đó có 71 SV xếp loại đạt, chiếm 76.3% và 22 SV xếp loại không đạt, chiếm tỷ lệ 23.7%; Nhóm so sánh có 138 SV trong đó có 111 SV xếp loại đạt, chiếm 80.4% và 27 SV xếp loại không đạt, chiếm tỷ lệ 19.6%. Như vậy, kết quả học tập của nhóm TN có số lượng SV xếp loại đạt và tốt cao hơn hai nhóm ĐC và nhóm so sánh.

3. KẾT LUẬN

Các tiêu chí đo lường sau TN như việc thực hiện chương trình giảng dạy GDTC; các nội dung thuộc việc thực hiện chương trình giảng dạy GDTC có xu hướng tốt hơn lúc đánh giá tại thời điểm HK 3 năm học 2015 - 2016; Trình độ thể lực của các nhóm TN tốt hơn nhóm ĐC và nhóm so sánh sau TN. Kết quả học tập môn GDTC của nhóm TN có số lượng SV xếp loại đạt và tốt cao hơn hai nhóm ĐC và nhóm so sánh sau TN. Kết quả này cho thấy 05 GP tác động TN bước đầu đã có tác dụng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC của Trường ĐHPY.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT*, ngày 18/9/2008 về Ban hành quy định về đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV.
2. Nguyễn Minh Cường (2019), *"Nghiên cứu xây dựng một số GP nâng cao chất lượng công tác GDTC Trường Đại học Phú Yên"*. LATS Giáo dục học Trường Đại học TDTT Tp.HCM
3. Nguyễn Hữu Vũ (2016), *Ứng dụng một số GP nâng cao chất lượng GDTC cho SV Trường Đại học Hoa Sen Tp.HCM*. LATS Giáo dục học Trường Đại học TDTT Tp.HCM.

Nguồn bài báo: Trích lược nội dung trong LATS Giáo dục học "Nghiên cứu xây dựng một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất của trường Đại học Phú Yên", tác giả Nguyễn Minh Cường.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 5/7/2020; ngày phản biện đánh giá: 12/9/2020; ngày chấp nhận đăng: 19/10/2020)